TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 37

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 20 121 219 đọc là:

A. hai mươi triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm mười chín

B. hai mươi triệu một trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm mười chín

C. hai mươi triệu một trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi chín

D. hai mươi triệu một trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 432 555, chữ số 2 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng nghìn, lớp nghìn **B.** hàng nghìn, lớp triệu

C. hàng trăm, lớp đơn vị **D.** hàng chục nghìn, lớp nghìn

Câu 3. *(0,5 điểm)* Dãy số 6, 9, 12, ……, 105 có bao nhiêu số?

A. 33 **B.** 34 **C.** 35 **D.** 36

Câu 4. *(0,5 điểm)* Với m = 4894, n = 2580, p = 2199 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 4513 **B.** 115 **C.** 3513 **D.** 5275

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 8724, số lớn hơn số bé 1564 đơn vị. Số bé là:

A. 3580 **B.** 5144 **C.** 4362 **D.** 1564

Câu 6. *(0,5 điểm)* 9 tạ 2 yến = …… kg

A. 920 **B.** 902 **C.** 92 **D.** 9020

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1886 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XX **B.** thế kỉ XVIII **C.** thế kỉ XIX **D.** thế kỉ XVII

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc có số đo 180° là:

A. góc tù **B.** góc nhọn **C.** góc bẹt **D.** góc vuông

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 351 630, 331 605, 351 603, 352 603, 350 613.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 5 với a = 3125, b = 273: ……

b) m − n + p với m = 31 251, n = 11 263, p = 4771: ……

c) (x + 3192) × 2 với x = 700: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 tấn 82 kg = ……. kg

b) 5 tạ = ……. yến

c) 3 m^2 95 dm^2 = ……. dm^2

d) 5 phút 41 giây = ……. giây

Câu 12. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Góc bẹt bằng hai góc vuông	
b) 1 dm^2 = 10 cm^2	
c) 1 m^2 = 100 dm^2	
d) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	

Câu 13. *(1 điểm)* Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 13 cm, chiều rộng 9 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số cặp cạnh song song: …….

b) Số cặp cạnh vuông góc: …….

c) Diện tích hình chữ nhật: ……. cm^2

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1234 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 285 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 37

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	B	A	A	A	C	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 331 605, 350 613, 351 603, 351 630, 352 603

b) 352 603 − 331 605 = 20 998

Câu 10.

a) 3125 + 273 × 5 = 3125 + 1365 = 4490

b) 31 251 − 11 263 + 4771 = 19 988 + 4771 = 24 759

c) (700 + 3192) × 2 = 3892 × 2 = 7784

Câu 11.

a) 4000 + 82 = 4082

b) 1 tạ = 10 yến: 50

c) 300 + 95 = 395

d) 5 × 60 + 41 = 341

Câu 12.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) Đ

Câu 13.

a) AB // DC, AD // BC: 2 cặp

b) Bốn góc vuông: 4 cặp cạnh vuông góc

c) 13 × 9 = 117 (cm²)

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1234 × 2 = 2468 (kg)

Ngày thứ ba: 2468 − 285 = 2183 (kg)

Cả ba ngày: 1234 + 2468 + 2183 = 5885 (kg)